HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /NQ-HĐND	*Thăng Bình, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ ngân sách huyện hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2023-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025;

Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình về đề nghị thông qua quy định tỷ lệ ngân sách huyện hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2023-2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách huyện, lồng ghép từ các Chương trình, đề án, dự án khác; vốn huy động từ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2023-2025, gồm các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định tỷ lệ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2023-2025.

b) Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn), bao gồm: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật đóng trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện.

- Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hoặc ủy quyền công nhận.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện Nghị quyết.

c) Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ:

- Nguyên tắc hỗ trợ: Trong trường hợp cùng đối tượng, cùng một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư (trừ các nội dung hỗ trợ tại các Điều 6, 7 của Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam).

2. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực và đến hết năm 2025.

3. Tỷ lệ ngân sách huyện hỗ trợ cho từng nội dung cụ thể (Kèm theo phụ lục).

4. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Có tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Có hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Cam kết chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung hỗ trợ.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

b) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hoặc ủy quyền công nhận.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện:

- Xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách hằng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025. Định kỳ hằng năm báo cáo HĐND huyện kết quả thực hiện.

- Quản lý và tổ chức thực hiện các nội dung theo đúng quy định pháp luật hiện hành; xây dựng dự toán kinh phí theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Nam và quy định tại Điều 1 Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình khóa XII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- TTHĐND, UBND tỉnh;
- VP ĐĐBQH&HĐND tỉnh; Sở Tư pháp, Sở VHTT&DL tỉnh;
- TTHU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành, đơn vị thuộc huyện;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- CPVP, CV;
- Lưu :VT-HĐ.

CHỦ TỊCH

Phan Công Vỹ

Phụ lục

Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn huyện Thăng Bình, giai đoạn 2023-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 24/NQ-HDND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình)

STT	Nội dung hỗ trợ	Tỷ lệ (%) theo mức hỗ trợ nội dung được cấp thẩm quyền phê duyệt		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn lồng ghép từ các Chương trình, đề án, dự án khác; vốn huy động từ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề và các nguồn vốn hợp pháp khác
I	**Nội dung, mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (kể cả ngành nghề nông thôn trong làng nghề, làng nghề truyền thống) theo Điều 6 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam.**			
1	Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất: Các cơ sở ngành nghề nông thôn đang hoạt động trong hoặc ngoài khu dân cư gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản di dời; khi thực hiện di dời đến các khu, cụm công nghiệp, cụm làng nghề hoặc đến địa điểm quy hoạch được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị, nhà xưởng. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn là tổ hợp tác, hộ gia đình và không quá 250 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã.	50	15	35
2	Hỗ trợ xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại cơ sở ngành nghề nông thôn: Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 240 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn.	50	15	35
3	Hỗ trợ lãi suất vốn vay để mua nguyên vật liệu; đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ: Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay trong thời hạn 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở ngành nghề nông thôn. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Mức lãi suất hỗ trợ là mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ	50	15	35

	cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.			
4	Hỗ trợ mở lớp truyền nghề: Các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề được hỗ trợ chi phí lớp học. Mức hỗ trợ bằng 100% định mức chi phí đào tạo nghề cấp có thẩm quyền phê duyệt trình độ sơ cấp dưới 03 tháng theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	50	15	35
5	Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đang hoạt động ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm, kể từ ngày thụ hưởng chính sách.	50	15	35
II	**Nội dung, mức hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống *(Điều 6 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam)*** **Hỗ trợ tổ chức lễ đón nhận Bằng công nhận và xây dựng cổng chào hoặc biển quảng bá sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hoặc ủy quyền công nhận.**			
1	Nghề truyền thống: Mức hỗ trợ 45 triệu đồng/nghề.	50	15	35
2	Làng nghề: Mức hỗ trợ 75 triệu đồng/làng nghề.	50	15	35
3	Làng nghề truyền thống: Mức hỗ trợ 90 triệu đồng/làng nghề	50	15	35
III	**Nội dung, mức chi hỗ trợ quản lý Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề *(Điều 7 Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Nam)***			
	Phân bổ, sử dụng tối đa 1,5% kinh phí do cấp có thẩm quyền giao hằng năm để hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, chi khác (nếu có).	50	15	35